

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý IV/2011	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		169,445,304,032	172,494,095,089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8,454,420,621	52,539,741,845
1. Tiền	111		7,962,517,001	17,539,741,845
2. Các khoản tương đương tiền	112		491,903,620	35,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		76,013,153,000	61,119,566,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	99,118,764,628	69,809,306,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(23,105,611,628)	(8,689,740,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66,179,487,913	45,557,836,016
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	5,690,124,374	13,418,398,876
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	58,125,787,400	29,490,786,400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134	V.6	626,810,294	2,337,625,740
5. Các khoản phải thu khác	135	V.7	1,844,002,645	418,261,800
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(107,236,800)	(107,236,800)
IV. Hàng tồn kho	140		17,210,153,563	12,052,255,955
1. Hàng tồn kho	141	V.8	17,210,153,563	12,052,255,955
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,588,088,935	1,224,695,273
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		455,293,452	186,001,785
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	4,997,390
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1,132,795,483	1,033,696,098

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý IV/2011	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		296,473,917	1,139,468,869
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		290,351,417	1,081,489,848
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	290,351,417	1,081,489,848
<i>Nguyên giá</i>	222		2,236,642,438	2,805,390,392
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1,946,291,021)	(1,723,900,544)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,122,500	57,979,021
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6,122,500	57,979,021
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		169,741,777,949	173,633,563,958

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý IV/2011	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		70,827,611,985	60,710,813,741
I. Nợ ngắn hạn	310		20,827,611,985	10,710,813,741
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		7,625,000,000	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	6,351,591,100	2,519,234,138
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	1,701,733,866	1,427,670,845
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	567,011,008	2,107,456,757
5. Phải trả người lao động	315	V.15	1,755,711,040	1,673,389,000
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1,726,666,667	1,666,666,667
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	443,825,032	407,133,896
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	656,073,272	909,262,438
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		50,000,000,000	50,000,000,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	50,000,000,000	50,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		98,914,165,964	112,922,750,217
I. Vốn chủ sở hữu	410		98,914,165,964	112,922,750,217
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	94,844,680,000	94,844,680,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	5,015,044,372	5,015,044,372
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.20	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.20	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.20	672,587,253	672,587,253
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	(1,618,145,661)	12,390,438,592
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		169,741,777,949	173,633,563,958

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối Quý IV/2011	Số đầu năm
		<hr/>	<hr/>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2012

Trần Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

Phạm Đình Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV/ 2011**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			QUÝ IV/ 2011	QUÝ IV/ 2010	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	19,508,200,425	19,947,186,939	45,813,474,287	56,706,109,585
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1				-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	19,508,200,425	19,947,186,939	45,813,474,287	56,706,109,585
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17,395,212,137	17,114,123,146	40,106,029,643	41,108,029,995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2,112,988,288	2,833,063,793	5,707,444,644	15,598,079,590
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	268,588,369	414,241,099	23,505,084,011	15,452,001,904
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12,668,878,769	-1,310,412,795	32,935,564,736	10,616,857,210
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		221,440,208	-	-	1,666,666,667
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	523,741,289	625,031,699	2,320,568,737	3,020,088,988
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	554,692,359	686,555,724	2,247,347,943	2,008,765,278
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 +(21-22)- (24 + 25)]	30		(11,365,735,760)	3,246,130,264	(8,290,952,761)	15,404,370,018
11. Thu nhập khác	31		45,000	-	211,138,096	1,521,766,400
12. Chi phí khác	32		-	-	194,338,354	723,286,799
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		45,000	-	16,799,742	798,479,601
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(11,365,690,760)	3,246,130,264	(8,274,153,019)	16,202,849,619
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(283,443,511)	719,323,316	-	3,800,384,189
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(11,082,247,249)	2,526,806,948	(8,274,153,019)	12,402,465,430
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(1,168)	266	(872)	863

Lập ngày 17 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN

PHẠM ĐÌNH DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Quý IV/2011****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý IV/ 2011	Quý IV/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(8,274,153,019)	16,202,849,619
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	222,390,477	558,111,491
- Các khoản dự phòng	03	V.3	14,415,871,628	8,689,740,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(7,247,571,397)	(5,445,661,449)
- Chi phí lãi vay	06		221,440,208	1,666,666,667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(662,022,103)	21,671,706,328
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24,202,181,292)	(61,233,749,223)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5,157,897,608)	72,979,867
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15,971,496,239	(5,596,112,206)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(182,251,583)	(27,052,259)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.13	(925,499,329)	(6,057,365,580)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1,235,889,709)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16,394,245,385)	(51,169,593,073)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(10,273,000)	(384,961,823)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		210,000,000	1,500,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,500,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(98,757,286,828)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		51,695,325,473	907,600,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.	20,347,168,016	4,492,923,248
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(23,015,066,339)	6,515,561,425

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý IV/ 2011	Quý IV/ 2010
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	50,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,676,009,500)	(4,672,208,300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4,676,009,500)	45,327,791,700
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(44,085,321,224)	673,760,052
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	52,539,741,845	51,865,981,793
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8,454,420,621	52,539,741,845

Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 01 năm 2011
Tổng Giám Đốc**TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN****PHẠM ĐÌNH DŨNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 12 Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán, dịch vụ, đại lý ký gửi: tư liệu tiêu dùng (đồ điện, điện tử, bách hóa và kim khí điện máy); Gia công lắp ráp máy điện thoại ấn phím dạng SKD và CKD; mua bán sản phẩm tin học, thiết bị đầu cuối viễn thông; Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông, tin học, điện lạnh; Mua bán thiết bị, linh kiện ngành tin học và máy tính; Sản xuất, mua bán phần mềm tin học; Mua bán cáp, thiết bị viễn thông; Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông; Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten); Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông; Dịch vụ tin học; Cung cấp dịch vụ internet (ISP).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 03

6. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	611.149.097	347.515.002
Tiền gửi ngân hàng	7.351.367.904	17.192.226.843
Các khoản tương đương tiền (*)	491.903.620	35.000.000.000
Cộng	<u>8.454.420.621</u>	<u>52.539.741.845</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	60.583.989.628	62.051.306.000
Đầu tư ngắn hạn khác	38.534.775.000	7.758.000.000
- Cho Công ty cổ phần công nghệ Đông Dương vay với lãi suất 3%/tháng	-	1.500.000.000
- Cho Ông Nguyễn Văn Dồn vay với lãi suất 20%/năm	1.000.000.000	3.000.000.000
- Góp vốn hợp tác đầu tư	37.534.775.000	3.258.000.000
Cộng	<u>99.118.764.628</u>	<u>69.809.306.000</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(23.105.611.628)	(8.689.740.000)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty điện thoại đông TP. Hồ Chí Minh	3.039.750.135	2.540.343.838
Công ty cổ phần thiết kế xây lắp Viễn Đông	-	15.422.000
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	48.510.000	250.655.649
Công ty điện thoại tây TP. Hồ Chí Minh	1.822.969.606	7.192.017.284
FCRV-Vietnam Pte., Ltd.	-	530.465.011
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ	-	1.650.000.000
Các khách hàng khác	778.894.633	1.239.495.094
Cộng	<u>5.690.124.374</u>	<u>13.418.398.876</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự Án Phú Quốc	57.184.594.600	27.962.593.600
Ban quản lý khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh	358.192.800	358.192.800
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Kiến Việt	550.000.000	1.130.000.000
Trả trước các nhà cung cấp khác	33.000.000	40.000.000
Cộng	<u>58.125.787.400</u>	<u>29.490.786.400</u>

6. Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty điện thoại đồng TP. Hồ Chí Minh	175.047.389	1.112.285.256
Công ty điện thoại tây TP. Hồ Chí Minh	451.762.905	1.225.340.484
Cộng	<u>626.810.294</u>	<u>2.337.625.740</u>

7. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu	217.125.568	311.025.000
Các khoản phải thu khác	1.626.877.077	107.236.800
Cộng	<u>1.844.002.645</u>	<u>418.261.800</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.129.481.855	6.578.086.588
Thành phẩm	46.575.833	13.662.921
Hàng hóa	5.034.095.875	5.460.506.446
Cộng	<u>17.210.153.563</u>	<u>12.052.255.955</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	839.221.037	745.568.343
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	293.574.446	288.127.755
Cộng	<u>1.132.795.483</u>	<u>1.033.696.098</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu quý	1.165.369.963	862.686.688	208.585.787	2.236.642.438
Mua sắm mới	-	-	-	-
Nguyên giá giảm (Thanh lý)				
Số cuối quý IV/2011	<u>1.165.369.963</u>	<u>862.686.688</u>	<u>208.585.787</u>	<u>2.236.642.438</u>

Trong đó:

Giá trị hao mòn

Số đầu quý	1.036.384.792	579.169.846	208.585.787	1.824.140.425
Khấu hao quý IV/2011	92.788.828	29.361.768	-	122.150.596

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Khấu hao giảm		-		-
Số cuối quý IV/2011	<u>1.129.173.620</u>	<u>608.531.614</u>	<u>208.585.787</u>	<u>1.946.291.021</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu quý	<u>128.985.171</u>	<u>283.516.842</u>	<u>-</u>	<u>412.502.013</u>
Số cuối quý IV/2011	<u>36.196.343</u>	<u>254.155.074</u>	<u>-</u>	<u>290.351.417</u>

11. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay NH IVB	<u>7.625.000.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>7.625.000.000</u>	<u>-</u>

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp thiết bị viễn thông, tin học	<u>4.870.141.917</u>	<u>220.089.584</u>
Các nhà cung cấp dịch vụ khác	<u>1.481.449.183</u>	<u>2.299.144.554</u>
Cộng	<u>6.351.591.100</u>	<u>2.519.234.138</u>

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty điện thoại đông TP. Hồ Chí Minh	<u>1.074.528.008</u>	<u>1.080.987.367</u>
Công ty điện thoại tây TP. Hồ Chí Minh	<u>622.800.928</u>	<u>336.912.389</u>
Các khách hàng khác	<u>4.404.930</u>	<u>9.771.089</u>
Cộng	<u>1.701.733.866</u>	<u>1.427.670.845</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	<u>212.453.021</u>	<u>1.181.957.428</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>-</u>	<u>925.499.329</u>
Thuế thu nhập cá nhân	<u>354.557.987</u>	<u>-</u>
Các loại thuế khác	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>567.011.008</u>	<u>2.107.456.757</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Văn phòng phẩm, mực in, đĩa server 05%
- Các hoạt động còn lại 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số cuối quý IV/2010</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.274.153.019)	16.202.849.619
	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(8.274.153.019)	15.201.536.756
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	3.800.384.189
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	3.800.384.189

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.666.666.667	1.666.666.667
Chi phí khác	60.000.000	-
Cộng	1.726.666.667	1.666.666.667

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	25.376.166	16.929.806
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Cổ tức còn phải trả	318.196.196	251.971.696
Nhập tạm hàng hóa chưa có hóa đơn	-	36.886.638
Phải trả khác	252.670	1.345.756
Cộng	443.825.032	407.133.896

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng quỹ đến Quý IV/2011</u>	<u>Chi quỹ đến Quý IV/2011</u>	<u>Số cuối Quý IV/2011</u>
Quỹ khen thưởng	40.000.000	-	4.050.000	35.950.000
Quỹ phúc lợi	-	620.123.272	-	620.123.272
Cộng	40.000.000	620.123.272	4.050.000	656.073.272

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.484.468	9.484.468
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.484.468	9.484.468
- Cổ phiếu phổ thông	9.484.468	9.484.468
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.484.468	9.484.468
- Cổ phiếu phổ thông	9.484.468	9.484.468
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số cuối quý IV/2010</u>
- Doanh thu tư vấn thiết kế	883.287.304	1.424.024.122
- Doanh thu xây dựng, dịch vụ xây lắp	25.588.551.190	16.683.753.732
- Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	15.431.542.492	32.651.927.656
- Doanh thu cung cấp cáp	3.839.315.560	5.689.020.800
- Doanh thu dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại	70.777.741	257.383.275
Các khoản giảm trừ doanh thu (hàng bán trả lại)	-	-
	<u>45.813.474.287</u>	<u>56.706.109.585</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số cuối quý IV/2010</u>
Giá vốn tư vấn thiết kế	720.123.862	1.363.245.235
Giá vốn hoạt động xây dựng, xây lắp	22.686.849.862	14.702.868.302
Giá vốn cung cấp cáp	3.612.231.415	5.148.318.649
Giá vốn bảo trì, bảo dưỡng cabin điện thoại	72.906.342	181.051.256
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	13.013.918.162	19.712.546.553
Cộng	<u>40.106.029.643</u>	<u>41.108.029.995</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số cuối quý IV/2010</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	81.868.329	208.303.518
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.209.829.323	2.895.360.385
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.222.383.696	11.562.790.863
Lãi cho vay	571.086.668	772.275.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.419.915.995	13.272.138
Cộng	<u>23.505.084.011</u>	<u>15.452.001.904</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số cuối quý IV/2010</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	27.901.170.175	8.689.740.000
Chi phí tài chính khác	5.034.394.561	1.927.117.210
Cộng	<u>32.935.564.736</u>	<u>10.616.857.210</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số cuối quý IV/2010</u>
Chi phí nhân viên	1.636.833.637	1.542.984.162
Chi phí bao bì	18.376.051	11.235.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.993.246	104.166.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	519.596.369	556.445.779
Chi phí khác	95.769.434	805.256.555
Cộng	<u>2.320.568.737</u>	<u>3.020.088.988</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số cuối quý IV/2010</u>
Chi phí nhân viên	1.306.714.691	1.037.960.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.223.187	84.679.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	666.057.540	183.169.692
Chi phí khác	170.352.525	702.955.751
Cộng	<u>2.247.347.943</u>	<u>2.008.765.278</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số cuối quý IV/2010</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.274.153.019)	12.402.465.430
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(8.274.153.019)	12.402.465.430
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.484.468	14.368.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(872)</u>	<u>863</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Số cuối quý IV/2011</u>	<u>Số cuối quý IV/2010</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.484.468	9.436.632
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận trong kỳ	-	1.279.189
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ thặng dư vốn cổ phần trong năm	-	2.852.212

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: Số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối quý IV/2011	Số cuối quý IV/2010
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ nguồn vốn thặng dư và quỹ đầu tư phát triển	-	609.134
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tái phát hành cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	191.769
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.484.468	14.368.936

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong quý IV/2011 là 90.000.000 VND (số quý IV/2010 là 87.630.000 VND).

2. Thông tin khác

Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2011, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2012

Trần Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

Phạm Đình Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III/2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	47,439,330,000	30,641,500,000	(6,051,840,000)	6,091,336,352	672,587,253	19,131,458,700	97,924,372,305
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	12,791,890,000					(12,791,890,000)	-
Phát hành cổ phiếu thưởng	34,613,460,000	(28,522,123,648)		(6,091,336,352)			-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ		2,925,668,020	6,051,840,000				8,977,508,020
Phí thực hiện quyền giao dịch		(30,000,000)					(30,000,000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12,402,465,430	12,402,465,430
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010						(4,743,933,000)	(4,743,933,000)
Trích lập quỹ trong năm						(887,662,438)	(887,662,438)
Thù lao Hội đồng quản trị						(720,000,100)	(720,000,100)
Số dư cuối năm trước	94,844,680,000	5,015,044,372	-	-	672,587,253	12,390,438,592	112,922,750,217
Số dư đầu năm nay	94,844,680,000	5,015,044,372	-	-	672,587,253	12,390,438,592	112,922,750,217
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Phí thực hiện quyền giao dịch							
Lợi nhuận trong năm						(8,274,153,019)	(8,274,153,019)
Chi cổ tức đợt 2 năm 2010						(4,742,234,000)	(4,742,234,000)
Trích lập quỹ trong năm						(620,123,272)	(620,123,272)
Thù lao Hội đồng quản trị						(372,073,962)	(372,073,962)
Số dư cuối năm nay	94,844,680,000	5,015,044,372	-	-	672,587,253	(1,618,145,661)	98,914,165,964

TP. Hồ Chí Minh., ngày 17 tháng 01 năm 2012

Trần Thị Phương Lan

Kế toán trưởng

Phạm Đình Dũng

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN
 86 Trần Trọng Cung, Q7, TP. HCM
 Tel : 7 732896 Fax: 7 732897
 Email: unnico@hcm.vnn.vn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :/VL2012

TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2012

V/v: Giải trình về biến động KQKD Quý IV/2011
 So với Quý IV/2010.

KÍNH GỬI: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
 - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ tài chính , Công ty cổ phần Viễn Liên giải trình về biến động kết quả kinh doanh của Quý IV/2011 giảm trên 10% so với Quý IV/2010 như sau:

Chỉ tiêu	Quý IV/2011	Quý IV/2010	% Biến động
Doanh thu	19.508.200.425	19.947.186.939	- 2,2%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(11.082.247.249)	2.526.806.948	- 438,6 %

Nguyên nhân:

- Doanh thu Quý IV/2011 giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2010, lợi nhuận sau thuế Quý IV/2011 giảm 438,6% so với quý IV/2010.
- Lợi nhuận trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm 2010 do Công ty đã trích lập thêm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền là: 12.105.656.175 đồng.

Trân trọng kính chào.

Tổng Giám đốc

PHẠM ĐÌNH DŨNG

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu.